

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN K - TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 08/05/2018

“V/v tranh chấp ly hôn,  
nuôi con chung khi ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Thế Anh.

*Các hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Thái Bảo và ông Dương Bình Định

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Thu Hà, thư ký Tòa án nhân dân huyện K - tỉnh Ninh Bình.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:*** Ông Ninh Trọng Khánh, kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 05 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử công khai vụ án thụ lý số 06/2018/TLST - HNGĐ ngày 8 tháng 01 năm 2018 về tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 04 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị H, sinh năm 1984; ĐKKH tại: xóm 5, xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Cư trú tại: khối 12, TT.B, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Mai Văn T, sinh năm 1979; Cư trú tại: xóm 5, xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt lần hai không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Chị Trần Thị H và anh Mai Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 7/11/2002 tại UBND TT.B là quê của chị H. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại xóm 5, xã C, huyện K. Thời gian đầu sống hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Tháng 3/2017 chị H đã làm đơn xin ly hôn gửi Tòa án nhân dân huyện K nhưng được Tòa án phân tích hòa giải chị H đã rút đơn để mong

vợ chồng đoàn tụ nuôi dạy con cái nhưng vợ chồng không thể khắc phục mâu thuẫn để sống chung được với nhau, do đó chị H tiếp tục yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với anh T.

Nguyên đơn chị Trần Thị H xác định nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm lối sống, cách thức làm ăn. Mặt khác anh T thường hay uống rượu say rồi nghi ngờ ghen tuông vô cớ chửi, lăng mạ chị. Mặc dù chị đã cố gắng tìm cách khắc phục và đã được hai bên gia đình hai bên khuyên giải nhưng cho đến nay tình trạng vợ chồng không cải thiện được mà càng nặng nề hơn; chị xác định vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa chị yêu cầu giải quyết ly hôn giải phóng cho cả hai.

Bị đơn anh Mai Văn T cho rằng anh và chị H phát sinh mâu thuẫn vợ chồng do chị H có cảm tình với người khác, từ mâu thuẫn vợ chồng dẫn đến mâu thuẫn giữa chị Hoa và gia đình nhà chồng, mâu thuẫn xảy ra chị H đã về nhà mẹ đẻ ở TT.B sinh sống, anh đã đến tìm chị H về nhưng chị H không về vì vậy vợ chồng đã sống ly thân nhau từ ngày 12/01/2017 âm lịch cho đến nay. Anh cũng xác định giữa anh và chị H có xảy ra mâu thuẫn nhưng chưa đến mức phải ly hôn nên anh không đồng ý ly hôn với chị H.

Về con chung: vợ chồng chị H và anh T đều xác định có 2 con chung là Mai Xuân Đ sinh ngày 11/9/2003 và Mai Thị Hồng H sinh ngày 02/4/2009 hiện đang do chị H nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị H yêu cầu được nuôi cả 2 con chung và không yêu cầu anh T phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị. Anh T yêu cầu anh được nuôi cả 2 con chung và chị H không phải đóng đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho anh.

Con chung của hai anh chị là các cháu Mai Xuân Đ khi được hỏi ý kiến có mong muốn được ở với bố khi bố mẹ ly hôn và Mai Thị Hồng H khi được hỏi ý kiến có mong muốn được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K: Về tố tụng nguyên đơn và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82, 83,84 Luật HNGĐ; Điều 147, 227 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14. Xử lý hôn giữa chị Trần Thị H và anh Mai Văn T; giao chị H trực tiếp nuôi con chung là Mai Thị Hồng H; Giao anh T trực tiếp nuôi con chung là Mai Xuân Đ; chị H phải nộp 300.000<sup>d</sup> án phí ly hôn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: chị Trần Thị H khởi kiện yêu cầu giải quyết việc ly hôn và tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn với anh Mai Văn T cư trú tại xóm 5, xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình; căn cứ quy định tại điều 26 và 39 BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện K. Anh Mai Văn T mặc dù đã có mặt tại địa phương, được Tòa án đã tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của pháp luật nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 2, Điều 227 BLTTDS Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh.

[2] Về hôn nhân chị Trần Thị H và anh Mai Văn T kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 7/11/2002 tại UBND TT.B là quê của chị H. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại xã C, huyện K. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc một thời gian thì mới phát sinh mâu thuẫn; do mâu thuẫn vợ chồng đến năm 2017 chị H về nhà mẹ đẻ ở khối 12, thị trấn B, huyện K sống ly thân với anh T. Tuy nguyên nhân diễn biến mâu thuẫn dẫn đến việc sống ly thân hai bên trình bày khác biệt nhau nhưng trong quá trình giải quyết hai bên đều xác định vì mâu thuẫn vợ chồng không giải quyết được dẫn đến vợ chồng không thể chung sống cùng nhau được. Xác minh tình trạng hôn nhân của chị H và anh T tại UBND xã C là nơi anh T cư trú thì chính quyền địa phương xác nhận từ đầu năm 2017 do mâu thuẫn vợ chồng nên chị H và các con đã từ xã C về thị trấn B ở từ năm 2017 đến nay và nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T lạm dụng rượu hay đánh chửi chị H nên chị H bỏ về nhà mẹ đẻ.

[3] Anh T mặc dù biết chị H yêu cầu tòa án giải quyết việc ly hôn với anh, nhưng anh không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình; không có biện pháp nào khắc phục mâu thuẫn nhằm duy trì hôn nhân, có ý bỏ mặc không quan tâm đến cuộc sống chung. Như vậy chị H xác định vợ chồng không thể chung sống cùng nhau được vì mâu thuẫn đã trầm trọng do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm lối sống, bất đồng về cách thức làm ăn và anh T thường hay uống rượu say rồi nghi ngờ ghen tuông vô cớ chửi, lăng mạ chị là có căn cứ. Mặt khác các bên đương sự đều xác định vì mâu thuẫn vợ chồng không giải quyết được hai bên đã ly thân từ năm 2017 đến nay. Từ những căn cứ đó đã có đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân của anh T và chị H hiện nay đã trầm trọng, không còn khả năng khắc phục, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể duy trì cuộc sống chung; căn cứ quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình, yêu cầu của chị H giải quyết ly hôn anh T là có căn cứ được chấp nhận.

[4] Về con: vợ chồng anh T và chị H có 2 con chung là Mai Xuân Đ sinh ngày 11/9/2003 và Mai Thị Hồng H sinh ngày 02/4/2009 hiện đang do chị H nuôi dưỡng hiện; cả hai anh chị đều yêu cầu được nuôi cả hai con chung nếu vợ chồng ly hôn; con chung của hai anh chị khi được hỏi ý kiến thì cháu Đ mong muốn được ở với bố, còn cháu H có mong muốn được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn; về điều kiện thu nhập hai anh chị đều làm nghề tự do phổ thông, thu nhập không cao; không có ai chứng minh hơn hẳn về điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung

nên thể theo nguyện vọng của các con chung và căn cứ Điều 81 luật HNGĐ việc giao cháu Đ cho anh T và cháu H cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục; không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào là phù hợp.

[5] Về tài sản chung: Khi ly hôn hai bên đương sự không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: căn cứ quy định tại điều 147 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14 buộc chị H phải nộp toàn bộ án phí ly hôn theo quy định.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật HNGĐ; Điều 147, 227 Bộ luật TTDS và Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Xử lý hôn giữa chị Trần Thị H và Mai Văn T.

2/ Giao chị Trần Thị H trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục con chung là Mai Thị Hồng H sinh ngày 02/4/2009 đến khi thành niên. Giao Mai Văn T trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục con chung Mai Văn Đ sinh ngày 11/9/2003 đến khi thành niên. Không bên nào được cản trở quyền thăm nom chăm sóc con chung.

3/ Chị Trần Thị H phải nộp 300.000<sup>d</sup> án phí ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000<sup>d</sup> tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA 2776 ngày 08/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai sơ thẩm; đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã C;
- UBND thị trấn B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Phạm Thế Anh**